

NHIỆT LIỆT CHÀO ĐÓN



CÁC EM ĐẾN VỚI BÀI HỌC MỚI!



T R Ò C H Ơ I

Ô C H Ữ



Tìm kiếm những từ khóa liên quan đến
vùng Đồng bằng sông Hồng



H	À	N	Ô	I	V	C	N	Ų	R	Q	T
H	U	B	H	H	R	A	N	I	U	L	H
Ų	R	N	Ă	H	Ă	A	C	Ă	R	N	V
N	V	J	A	C	D	O	N	A	I	N	I
G	U	J	D	M	N	G	T	W	K	A	B
Y	N	G	J	O	N	I	H	Ų	C	A	I
Ê	H	K	M	I	Q	P	N	J	Ŏ	Q	N
N	P	R	N	B	K	R	F	H	D	N	H
I	H	H	R	N	A	M	Đ	O	N	H	G
O	T	P	H	J	L	F	F	E	J	B	F
F	C	K	H	Ă	I	P	H	Ò	N	G	R
U	A	N	I	N	H	B	Ì	N	H	O	L

H	À	N	Ô	I	V	C	N	Ù	R	 kenhgiaovien.com	
H	U	B	H	H	R	A	N	I	U	L	H
Ù	R	N	Ã	H	Ã	A	C	Ã	R	N	Á
N	V	J	A	C	D	O	N	A	I	N	I
G	U	J	D	M	N	G	T	W	K	A	B
Y	N	G	J	O	N	I	H	Ù	C	A	I
Ê	H	K	M	I	Q	P	N	J	Õ	Q	N
N	P	R	N	B	K	R	F	H	D	N	H
I	H	H	R	N	A	M	Đ	O	N	H	G
O	T	P	H	J	L	F	F	E	J	B	F
F	C	K	H	Ã	I	P	H	Ò	N	G	R
U	A	N	I	N	H	B	Ì	N	H	O	L

BÀI 24:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



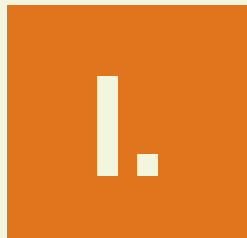
NỘI DUNG BÀI HỌC

Khái quát



Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội

Các thế mạnh và hạn chế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội



KHÁI QUÁT

LÀM VIỆC CÁ NHÂN

Quan sát bản đồ, thực hiện nhiệm vụ:



Xác định trên bản đồ các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và nhận xét về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng.

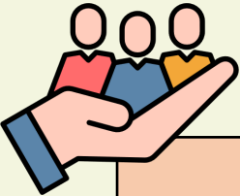


Cho biết đặc điểm nổi bật của dân số vùng Đồng bằng sông Hồng.



MỘT SỐ TƯ LIỆU THAM KHẢO

Tư liệu 1: Quy mô dân số vùng đồng bằng sông Hồng
giai đoạn 1999 - 2025



Năm	1999	2009	2019	2025
Quy mô dân số (triệu người)	17,9	19,6	22,6	24,8

Tư liệu 2: Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo ở vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước giai đoạn 2009 - 2021

(Đơn vị: %)

Năm	2009	2019	2021
Đồng bằng sông Hồng	20,9	32,4	37,0
Cả nước	14,8	22,8	26,1

**Tư liệu 3: Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở vùng
Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1999 - 2025**

Năm	1999	2009	2019	2025
Số dân thành thị (nghìn người)	3 800,4	5 756,4	8 130,3	9432,7
Tỉ lệ dân thành thị (%)	21,3	29,3	35,9	38

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

Đồng bằng sông Hồng có 6 tỉnh/thành phố

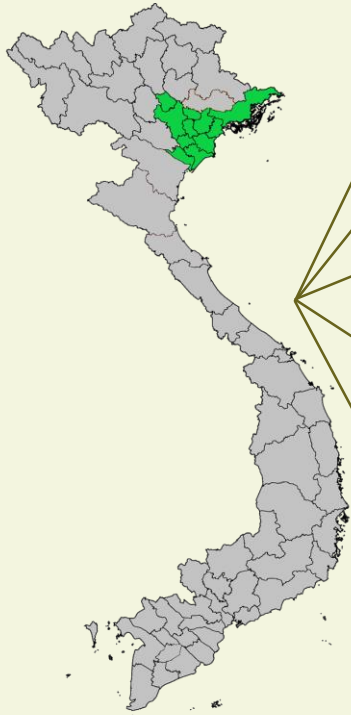
Vùng tiếp giáp với Trung Quốc, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có vùng biển rộng lớn, có nhiều đảo, quần đảo.

Vùng có cửa khẩu thông thương, có tuyến đường ô tô, đường sắt, đường biển.



Thuận lợi để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư và giao lưu hợp tác trong và ngoài nước.

2. Dân số



Số dân đông nhất cả nước.

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 2021 là 1,07%.

Mật độ dân số cao nhất cả nước.

Tỉ lệ dân thành thị cao hơn mức trung bình chung cả nước.

Có nhiều dân tộc sinh sống như: Kinh, Dao, Tày, Sán Dìu....



Hà Nội:
8.499.038
người



*Dân số của Hà Nội đạt gần 8,5 triệu
người (tính đến tháng 9/2023)*



*Mật độ dân số Hà Nội cao hơn gấp
8,2 lần so với mật độ dân số cả nước*

CÂU HỎI MỞ RỘNG



Vì sao Đồng bằng sông Hồng
có mật độ dân số cao nhất
cả nước?





Nguyên nhân về tự nhiên

Là đồng bằng châu thổ rộng lớn thứ 2 sau Đồng bằng sông Cửu Long (1,5 triệu ha).

Có hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình là hệ thống sông lớn đứng hàng thứ 2 của Việt Nam (sau hệ thống sông Mê Kông).

Có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Nguyên nhân về lịch sử khai thác lãnh thổ:

Lịch sử phát triển lâu đời, giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của cả nước.



Là một trong những vùng được khai phá và định cư lâu đời nhất ở nước ta.



Nhờ sự thuận lợi về địa hình và khí hậu, con người đã sinh sống ở đây từ hàng vạn năm về trước.



Nguyên nhân về kinh tế - xã hội:

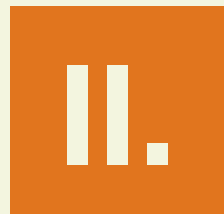


Trình độ thâm canh trong việc trồng lúa nước của vùng đạt mức cao nhất trong cả nước → đòi hỏi nhiều lao động. Trừ các thành phố lớn, những nơi càng thâm canh và có một số nghề thủ công truyền thống thì mật độ dân cư càng đông đúc.



Hà Nội là thành phố triệu dân lớn nhất khu vực phía Bắc. Việc phát triển công nghiệp và đô thị góp phần làm tăng mức độ tập trung dân số ở Đồng bằng sông Hồng.





CÁC THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI



Vùng Đồng bằng sông Hồng có nhiều điều kiện cả về mặt tự nhiên và kinh tế - xã hội tạo ra thế mạnh phát triển ngành nông - lâm - thủy sản và phát triển kinh tế biển.



CHIA LỚP THÀNH 2 NHÓM

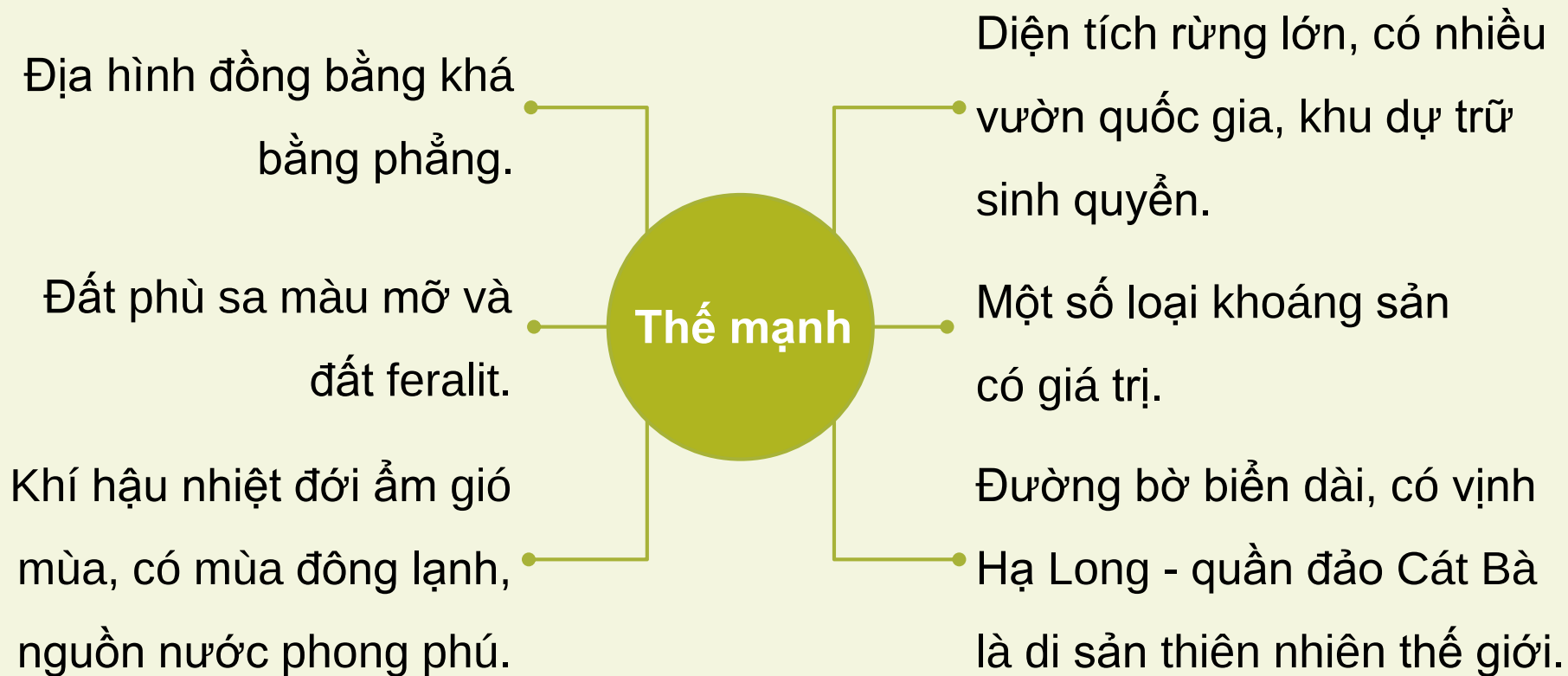
Khai thác Hình 24.1 và thông tin mục II SGK tr.104 - tr.106 và hoàn thành nhiệm vụ:

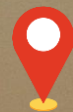
Nhóm
chẵn: Vẽ sơ đồ tư duy về điều kiện tự
nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

Nhóm
lẻ: Vẽ sơ đồ tư duy về điều kiện
kinh tế - xã hội.



1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

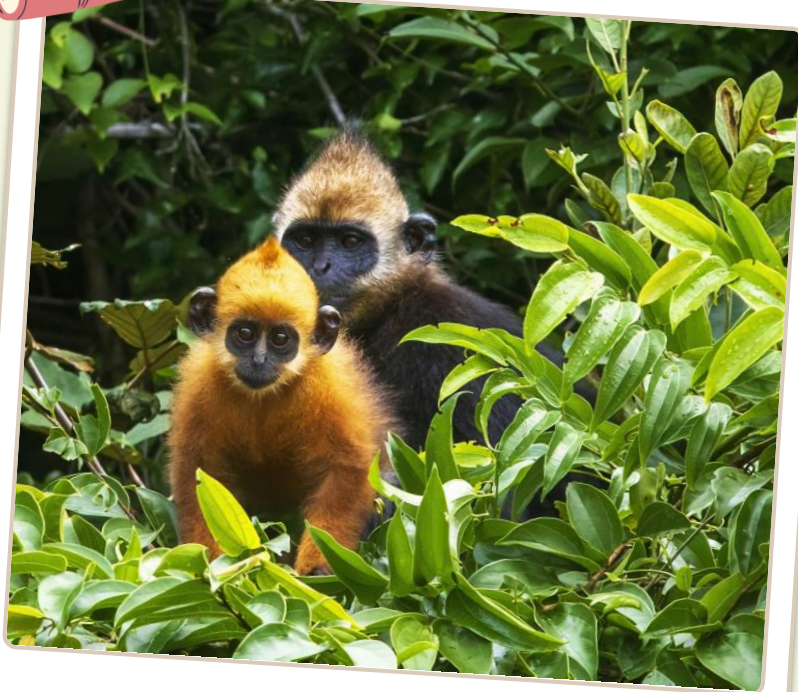




Lưu vực sông Hồng - sông Thái Bình



*Vịnh Bái Tử Long
(Vân Đồn, Quảng Ninh)*



*Vườn quốc gia Cát Bà
(Hải Phòng)*



*Suối nước nóng Kênh Gà
(Ninh Bình)*



*Tràng An (Ninh Bình) - Di sản
văn hóa và thiên nhiên thế giới*





*“Thị trấn trên mây” Tam Đảo
(Vĩnh Phúc)*



*Mỏ đá vôi Hang Ốc
(Thủy Nguyên, Hải Phòng)*

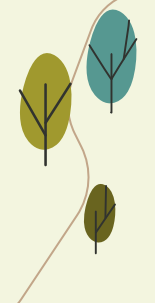


Hạn chế

Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai, bão lũ.

Tác động của biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp hơn.

Vấn đề ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi đang tạo sức ép đối với sự phát triển bền vững.





*Ô nhiễm trầm trọng ở sông
Nhuệ - Đáy*

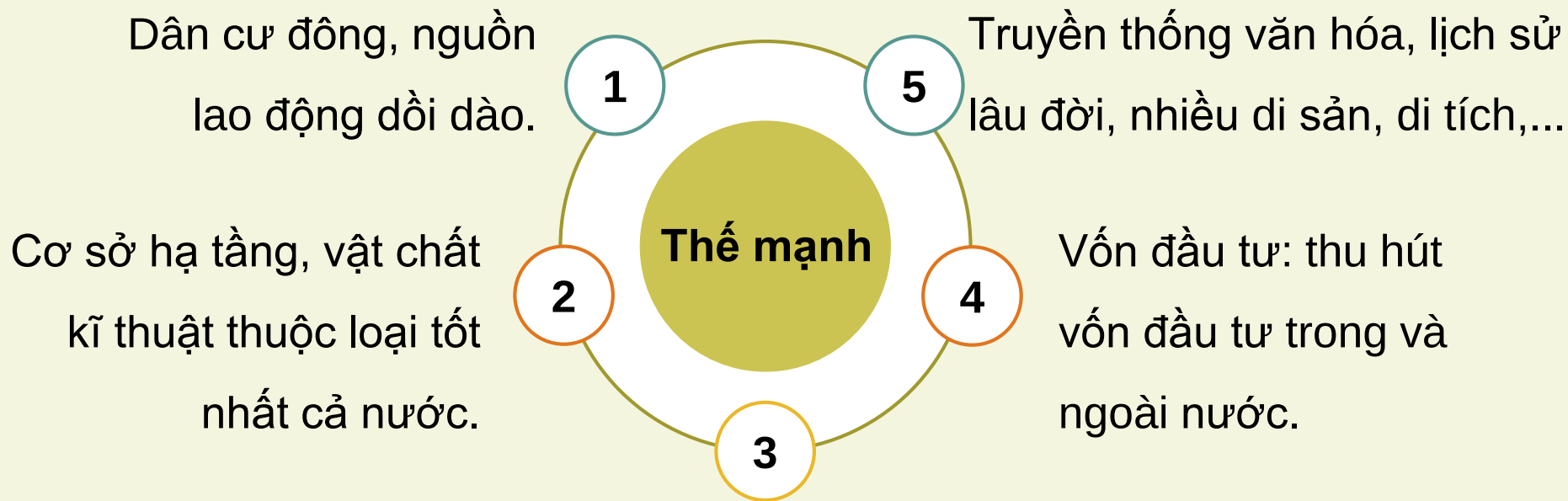


*Ô nhiễm môi trường ở làng nghề
đúc nhôm Mẫn Xá (Bắc Ninh)*

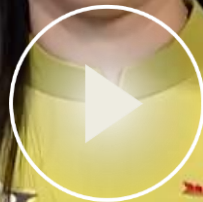
Những thước phim từ tâm bão Yagi (9/2024)



2. Điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội



Chính sách phát triển kinh tế: tái cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,...



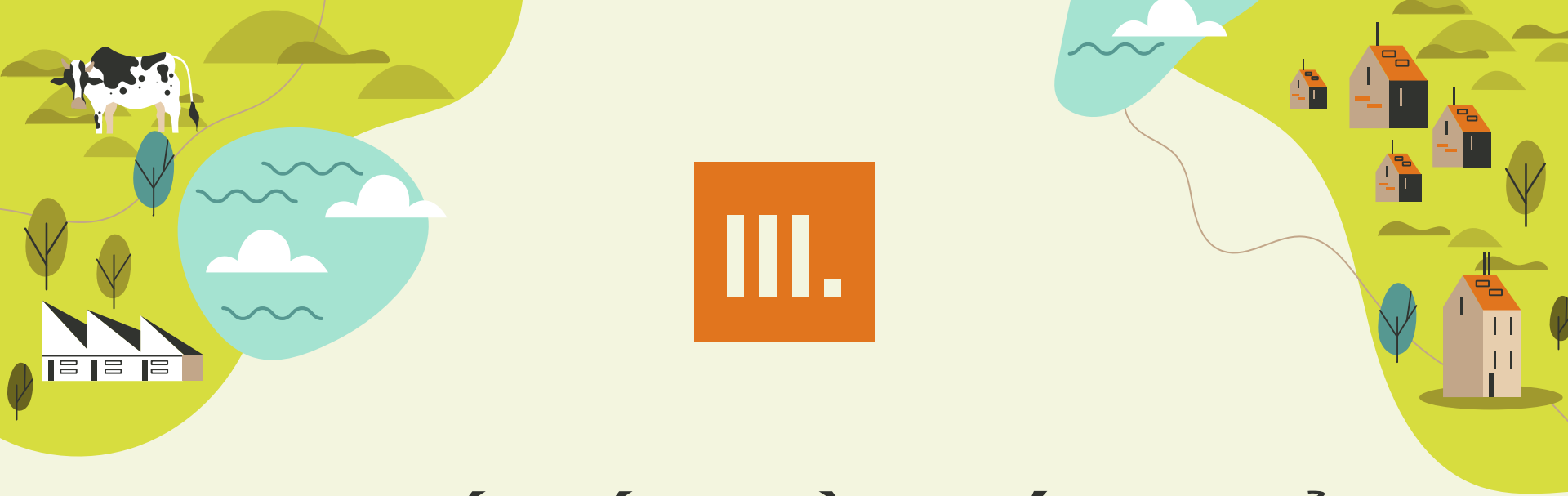
Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng tầm nhìn đến năm 2050

Số dân đông, mật độ
dân số cao

Hạn chế

Hạ tầng một số nơi
quá tải





MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

NGÀY HỘI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



Hình 24.2. Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2021

- Chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia.
- Mỗi nhóm chuyên gia sẽ lần lượt báo cáo về vấn đề phát triển của vùng:



BÁO CÁO SỐ 1 - NHÓM 1: TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Nhiệm vụ: Đúng hoặc sai

STT	Nhận định	Đ/S
1	Công nghiệp phát triển sớm nhưng giá trị sản xuất thấp và tăng chậm.	
2	Công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại và công nghệ cao.	
3	Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng và có nhiều ngành nổi bật.	
4	Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm trên 37% của cả nước (năm 2021).	
5	Vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao thứ hai trên cả nước.	
6	Định hướng phát triển là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại.	

BÁO CÁO SỐ 2 - NHÓM 2: TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP NỔI BẬT

Nhiệm vụ: Ghép đôi

Ngành công nghiệp
1. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính
2. Công nghiệp sản xuất ô tô và xe có động cơ
3. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm
4. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục
5. Nhiệt điện
6. Công nghiệp khai thác than

Đặc điểm
A. Tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh và ngày càng tăng cường ứng dụng công nghệ cao.
B. Phát triển dựa trên cơ sở nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
C. Đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu công nghiệp của vùng.
D. Nhiều nhà máy công suất lớn và nguồn nhiên liệu chủ yếu là than.
E. Có sự tham gia của các doanh nghiệp FDI, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
F. Phát triển nhanh với các sản phẩm chủ yếu là máy tính, thiết bị điện tử...

BÁO CÁO SỐ 3 - NHÓM 3: TÌM HIỂU NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nhiệm vụ: Điền vào chỗ ...

Giao thông vận tải ở Đồng bằng sông Hồng phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại với đầy đủ các loại hình giao thông (1)..... phát triển nhanh cả về mạng lưới và chất lượng với các tuyến cao tốc... giúp kết nối các địa phương trong vùng và cả nước cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, (2).... Cũng rất phát triển. Hà Nội là đầu mối đường sắt lớn nhất cả nước. Giao thông (3)..... phát triển nhanh với 3 cảng hàng không quốc tế. Giao thông (4)..... trong vùng phát triển mạnh với 4 cảng biển và nhiều bến cảng. Các tuyến (5)..... cũng có vai trò quan trọng trong vận chuyển hàng hóa ở vùng. Đồng bằng sông Hồng có khối lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển lớn, chiếm tỉ trọng cao so với cả nước. Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng là hai (6)..... quan trọng nhất của vùng.



BÁO CÁO SỐ 4 - NHÓM 4: TÌM HIỂU NGÀNH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

1

Phân tích đặc điểm của ngành thương mại ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

2

Phân tích đặc điểm của ngành du lịch ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

3

Phân tích đặc điểm của một số ngành dịch vụ khác (tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông...) ở vùng Đồng bằng sông Hồng.



BÁO CÁO SỐ 5 - NHÓM 5: TÌM HIỂU NGÀNH KINH TẾ BIỂN

1

Tìm hiểu tiềm năng phát triển kinh tế biển ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

2

Tìm hiểu thực trạng phát triển kinh tế biển ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

1. Vấn đề phát triển công nghiệp



Bảng: Giá trị sản xuất công nghiệp và tỉ lệ so với cả nước của vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2021
Tiêu chí			
Giá trị sản xuất (nghìn tỉ đồng)	859,5	2 196,1	4 806,8
Tỉ lệ so với cả nước (%)	28,2	32,2	46,9

BÁO CÁO KẾT QUẢ - NHÓM 1: TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Nhiệm vụ: Đúng hoặc sai

STT	Nhận định	Đ/S
1	Công nghiệp phát triển sớm nhưng giá trị sản xuất thấp và tăng chậm.	S
2	Công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại và công nghệ cao.	Đ
3	Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng và có nhiều ngành nổi bật.	Đ
4	Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm trên 37% của cả nước (năm 2021).	Đ
5	Vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao thứ hai trên cả nước.	S
6	Định hướng phát triển là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại.	Đ

BÁO CÁO SỐ 2 - NHÓM 2: TÌM HIỂU NGÀNH CÔNG NGHIỆP NỔI BẬT

Ngành công nghiệp
1. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính
2. Công nghiệp sản xuất ô tô và xe có động cơ
3. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm
4. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục
5. Nhiệt điện
6. Công nghiệp khai thác than

Đặc điểm
A. Tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh và ngày càng tăng cường ứng dụng công nghệ cao.
B. Phát triển dựa trên cơ sở nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
C. Đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu công nghiệp của vùng.
D. Nhiều nhà máy công suất lớn và nguồn nhiên liệu chủ yếu là than.
E. Có sự tham gia của các doanh nghiệp FDI, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
F. Phát triển nhanh với các sản phẩm chủ yếu là máy tính, thiết bị điện tử...



GHI NHỚ



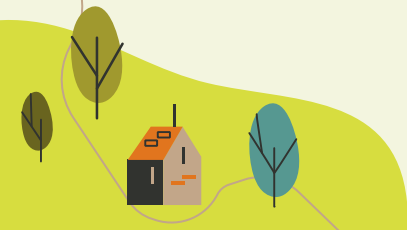
Công nghiệp phát triển
sớm, giá trị sản xuất công
nghiệp cao và tăng nhanh.

Cơ cấu ngành công nghiệp
khá đa dạng.

**Đặc
điểm
phát
triển
công
nghiệp**

Công nghiệp phát triển
theo hướng hiện đại,
công nghệ cao...

Mức độ tập trung công
nghiệp cao nhất cả nước.



Các ngành công nghiệp nổi bật:



1

Công nghiệp
sản xuất sản phẩm
điện tử:



Bắc Ninh, Hà Nội,
Vĩnh Phúc

2

Công nghiệp
sản xuất ô tô và xe
có động cơ khác:



Hà Nội, Hải Phòng,
Vĩnh Phúc, Ninh
Bình

3

Công nghiệp
sản xuất, chế biến
thực phẩm:



Hà Nội, Hải Phòng,
Quảng Ninh

Các ngành công nghiệp nổi bật:



4

Công nghiệp dệt
và sản xuất trang
phục:

5

Nhiệt điện:

6

Khai thác than:

Hướng phát triển:



Đẩy mạnh
ứng dụng
công nghệ
hiện đại, ít
phát thải khí
nhà kính.



Có khả năng
cạnh tranh,
tham gia toàn
diện vào
chuỗi giá trị
toàn cầu.



Ưu tiên
phát triển
một số
ngành công
nghiệp mới.



2. Vấn đề phát triển ngành dịch vụ

BÁO CÁO KẾT QUẢ - NHÓM 3: NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nhiệm vụ: Điền vào chỗ ...

Giao thông vận tải ở Đồng bằng sông Hồng phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại với đầy đủ các loại hình giao thông (1)...Đường bộ... phát triển nhanh cả về mạng lưới và chất lượng với các tuyến cao tốc... giúp kết nối các địa phương trong vùng và cả nước cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, (2)...Đường sắt... cũng rất phát triển. Hà Nội là đầu mối đường sắt lớn nhất cả nước. Giao thông (3)...đường hàng không... phát triển nhanh với 3 cảng hàng không quốc tế.

Giao thông (4)...đường biển... trong vùng phát triển mạnh với 4 cảng biển và nhiều bến cảng. Các tuyến (5)...đường sông... cũng có vai trò quan trọng trong vận chuyển hàng hóa ở vùng. Đồng bằng sông Hồng có khối lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển lớn, chiếm tỉ trọng cao so với cả nước. Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng là hai (6)...đầu mối giao thông... quan trọng nhất của vùng.



**Bảng: Khối lượng hàng hóa, số lượt hành khách vận chuyển
của các loại hình giao thông vận tải ở Đồng bằng sông Hồng,
năm 2015 và 2021**

Năm	2015	2021
Khối lượng hàng hóa (triệu tấn)	396,2	588,5
Số lượt hành khách (triệu lượt người)	1 099,3	1 123,3



GHI NHỚ

a) Giao thông vận tải

► Phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại với các loại hình:

Đường ô tô phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng.

Hệ thống đường sắt phát triển.

Đường hàng không phát triển nhanh với ba cảng quốc tế.

Đường biển phát triển với 4 cảng biển và nhiều bến cảng.

Đường sông phát triển với nhiều tuyến giao thông.



- ▶ Vùng có khối lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển lớn (chiếm 44,9% khối lượng hành khách và 36,4% khối lượng hàng hóa vận chuyển của cả nước năm 2021).
- ▶ Hai đầu mối giao thông quan trọng của vùng là Hà Nội và Hải Phòng:



Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng

Ba cảng hàng không quốc tế của vùng:



Cảng hàng không
Nội Bài (Hà Nội)



Cảng hàng không
Cát Bi (Hải Phòng)



Cảng hàng không
Vân Đồn (Quảng Ninh)

Bốn cảng biển của vùng:



Cảng Hải Phòng



Cảng Nam Định



Cảng Quảng Ninh



Cảng Thái Bình



b) Thương mại

Phát triển mạnh cả về nội thương và ngoại thương:



► Hoạt động nội thương:

Phát triển mạnh, hàng hóa phong phú, hình thức buôn bán đa dạng và ngày càng hiện đại.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chiếm 25,9% so với cả nước (2021).

Hà Nội là trung tâm thương mại lớn nhất của vùng.

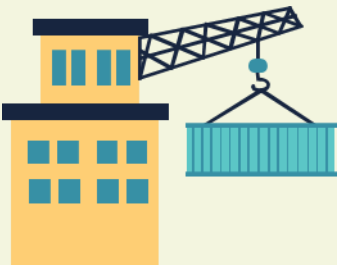
Bảng: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng Đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm Vùng	2010	2021
Đồng bằng sông Hồng	338,3	1 143,1
Các vùng khác	1 339,0	3 264,7
Cả nước	1 677,3	4 407,8

► Hoạt động ngoại thương:

- Trị giá xuất khẩu tăng nhanh và chiếm tỉ trọng cao trong cả nước.
- Các địa phương có giá trị xuất khẩu cao nhất là:



c) Du lịch

Là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển dựa trên tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa phong phú.

Loại hình du lịch trong vùng đa dạng, du lịch biển đảo, du lịch văn hóa là thế mạnh.

Doanh thu du lịch lũy hành chiếm tỉ trọng cao trong cả nước.





Các điểm du lịch nổi tiếng của vùng:



Vịnh Hạ Long
(Quảng Ninh)



Tràng An (Ninh Bình)



Cát Bà
(Hải Phòng)



Các trung tâm du lịch lớn của vùng:



Hà Nội



Hải Phòng



Hạ Long

d) Các ngành dịch vụ khác

Tài chính
ngân hàng

Phát triển mạnh
do kinh tế phát
triển, ứng dụng
nhiều phương
thức mới trong
kinh doanh.

Bưu chính,
viễn thông

Ngày càng được
hiện đại hóa.

Các lĩnh vực
khác

Các lĩnh vực
khác như: giáo
dục đào tạo, y
tế, logistic...
phát triển mạnh.





CÂU HỎI MỞ RỘNG

Vì sao Hà Nội, Hải Phòng là hai trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng.



Hà Nội:



Là thủ đô của cả nước, có vị trí địa lí thuận lợi nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, nối với cảng Hải Phòng qua quốc lộ 5 và là đỉnh của tam giác tăng trưởng kinh tế.



Hà Nội:



Nằm trong vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm với nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp, thủy sản phong phú.



Lực lượng lao động đông, có trình độ, thị trường tiêu thụ tại chỗ rộng lớn.



Là đầu mối giao thông quan trọng của các tỉnh phía Bắc, có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật phát triển mạnh.



Thu hút nhiều đầu tư của nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp.



Hải Phòng:



Vị trí địa lí thuận lợi là giáp biển, có cảng biển lớn, cửa ngõ xuất nhập khẩu của các tỉnh phía Bắc, là đỉnh của tam giác tăng trưởng kinh tế.

Nằm trong vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm nên có nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến.

Lực lượng lao động đông đảo, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật khá hoàn thiện.

Thu hút đầu tư nước ngoài.

Video khái quát kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng





BÁO CÁO SỐ 5 - NHÓM 5: TÌM HIỂU NGÀNH KINH TẾ BIỂN

1

Tiềm năng:

Có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế biển

2

Thực trạng:

- Hình thành khu kinh tế ven biển.
- Thuỷ sản
- Du lịch,...



Nhiệm vụ 1: Chơi trò chơi “Mảnh ghép địa lí”

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10



Mảnh ghép số 1:

Vùng Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A

6 tỉnh, thành phố.

B

10 tỉnh, thành phố.

C

9 tỉnh, thành phố.

D

12 tỉnh, thành phố.



Mảnh ghép số 2:

Trung tâm công nghiệp nào sau đây có cảng biển?

A

Cẩm Phả.

B

Hưng Yên.

C

Hải Dương.

D

Bắc Ninh.



Mảnh ghép số 3:

Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với vùng kinh tế nào?

A

Tây Nguyên.

B

Trung du và miền núi
Bắc Bộ.

C

Duyên hải Nam Trung Bộ.

D

Đông Nam Bộ.



Mảnh ghép số 4:

Những địa điểm du lịch nào sau đây **không** phải của vùng Đồng bằng Sông Hồng?

A

Chùa Hương, Tam Đảo.

B

Thác Bản Giốc, đảo Phú Quốc.

C

Bái Đính, Cúc Phương.

D

Hồ Gươm, Cát Bà.



Mảnh ghép số 5:

Đồng bằng sông Hồng có đất phù sa màu mỡ, thuận lợi cho phát triển

A

chăn nuôi gia cầm.

B

trồng cây công nghiệp lâu năm.

C

nuôi trồng thủy sản.

D

sản xuất lương thực - thực phẩm.



Mảnh ghép số 6:

Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

A

Quảng Ninh.

B

Bắc Ninh.

C

Thái Nguyên.

D

Ninh Bình.



Mảnh ghép số 7:

Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng?

A

Vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước.

B

Tỉ lệ dân thành thị cao hơn trung bình cả nước.

C

Vùng có nhiều dân tộc khác nhau sinh sống.

D

Vùng có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở mức rất cao.



Mảnh ghép số 8:

Vấn đề xã hội đang được quan tâm hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay là:

A

Sức ép của dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội.

B

Đô thị hóa diễn ra nhanh và ô nhiễm môi trường đô thị.

C

Sự phát triển ồ ạt của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

D

Sự thu hẹp diện tích đất lúa và ô nhiễm môi trường.



Mảnh ghép số 9:

Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là:

A

Tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.

B

Khai thác hợp lí tài nguyên, đa dạng hóa hoạt động sản xuất.

C

Hút nguồn vốn đầu tư, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch kinh tế.

D

Tăng hiệu quả kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội và môi trường.



Mảnh ghép số 10:

Đọc đoạn thông tin sau và chọn đúng/ sai ở mỗi ý A, B, C, D:

“Đồng bằng sông Hồng đứng đầu cả nước về khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa, chiếm tới 36,4% khối lượng hàng hóa vận chuyển và 34,9% khối lượng hàng hóa luân chuyển (năm 2021). Mạng lưới giao thông của vùng khá toàn diện. Trong đó Hà Nội là đầu mối giao thông vận tải lớn của cả nước.”.

?

A. Đồng bằng sông Hồng đứng thứ hai cả nước (sau Đông Nam Bộ) về khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa.

?

B. Mạng lưới giao thông của vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển nhanh và đầy đủ các loại hình.

?

C. Hà Nội là đầu mối giao thông vận tải lớn của cả nước.

?

D. Khối lượng hàng hóa luân chuyển năm 2021 chiếm 36,4%.



Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi Luyện tập SGK tr.109

Lập sơ đồ thể hiện thế mạnh đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng.



Gợi ý:

THỂ MẠNH

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Địa hình đồng bằng khá bằng phẳng.
- Đất phù sa màu mỡ và đất feralit.
- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, nguồn nước phong phú.
- Diện tích rừng lớn, có nhiều vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- Một số loại khoáng sản có giá trị.
- Đường bờ biển dài, có vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà là di sản thiên nhiên thế giới.

Điều kiện kinh tế - xã hội

- Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào.
- Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật thuộc loại tốt nhất cả nước.
- Chính sách phát triển kinh tế: tái cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,...
- Vốn đầu tư: thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.
- Truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời, nhiều di sản, di tích,...

VẬN DỤNG

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ)
giới thiệu tiềm năng phát triển du lịch
ở vùng Đồng bằng sông Hồng.



HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

01

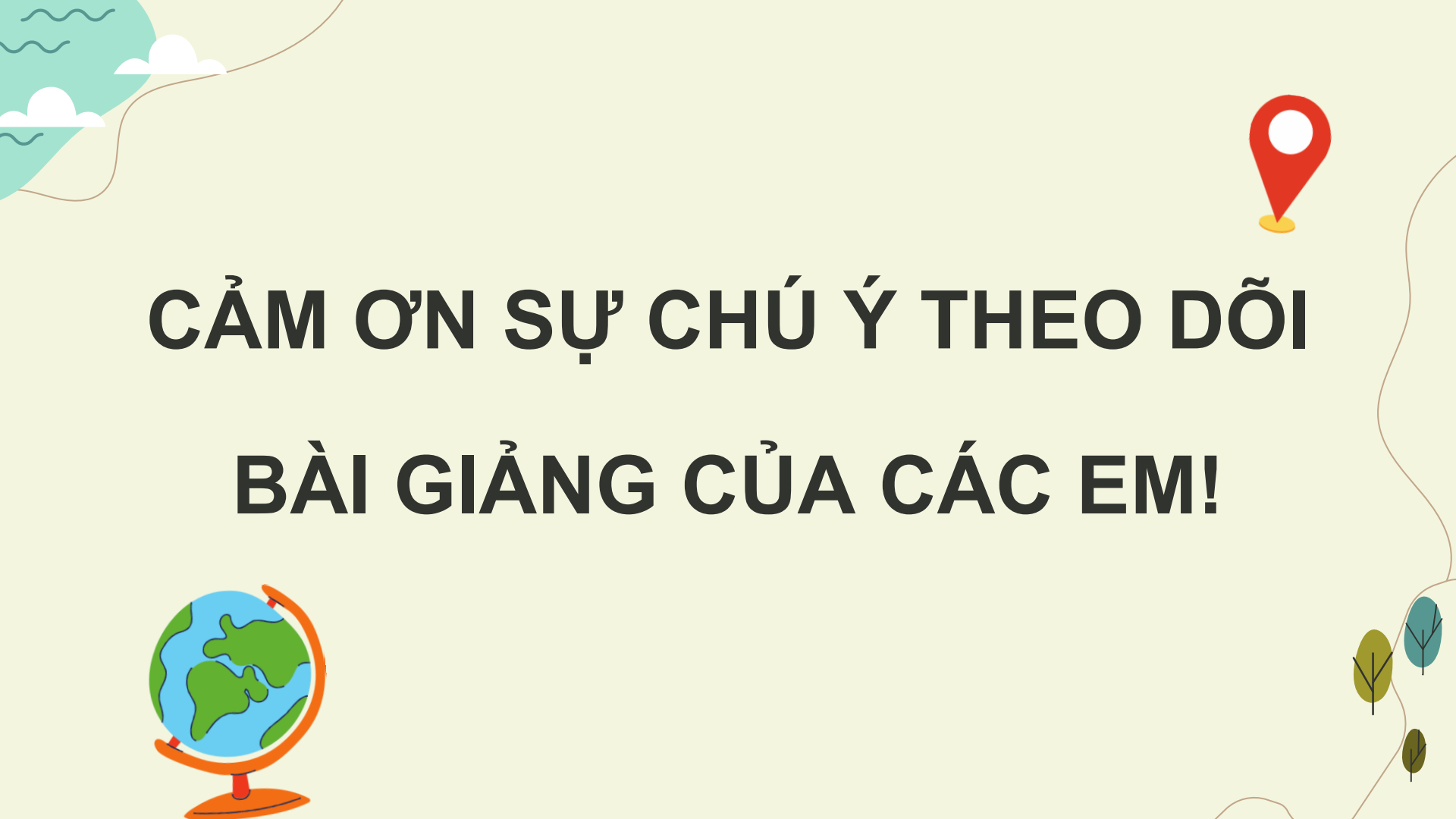
Ghi nhớ các kiến thức đã học trong bài

02

Hoàn thành nội dung bài tập phần Vận dụng

03

Chuẩn bị **Bài 25:**
Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ



**CẢM ƠN SỰ CHÚ Ý THEO DÕI
BÀI GIẢNG CỦA CÁC EM!**

